

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-3-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Tú

2. Ông Vũ Mạnh Cường

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú- Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - Tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Ngọc Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị **Đỗ Thị L**- sinh năm 1994; nơi cư trú: Khu 03 xóm Đ, xã C, huyện C, Phú Thọ. Có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh **Phan Mạnh H**- sinh năm 1991; nơi cư trú: Khu 03 xóm Đ, xã C, huyện C, Phú Thọ. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị L trình bày: chị và anh H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 21/4/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng tại khu 3 xóm Đ, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh

H và gia đình anh H hắt hủi, chửi đũa chì. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ khoảng tháng 11 năm 2017, chị về nhà bố mẹ đẻ chị tại khu 01, xã C ở và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021, bị đơn là anh Phan Mạnh H trình bày: Anh và chị Đỗ Thị L tự nguyện kết hôn với nhau ngày 21/4/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C. Sau đó, vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ đẻ của anh tại khu 03, xã C được khoảng 08 tháng thì làm nhà ra ở riêng trên đất thuộc quyền sử dụng của bố mẹ đẻ anh H. Quá trình chung sống, tính từ khi kết hôn thì vợ chồng chỉ hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L không chịu khó lao động và vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Từ khoảng tháng 11/2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh H nhất trí vì anh không còn tình cảm yêu thương với chị L.

Về con chung: Chị L và anh H trình bày vợ chồng có 01 con chung là Phan Thu H- sinh ngày 18/12/2017, hiện nay đang ở cùng chị L. Nếu ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000đồng/tháng. Anh H đồng ý để chị L trực tiếp nuôi con nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tổ tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Phan Mạnh H.

+ *Về con chung*: Giao con chung là Phan Thu H- sinh ngày 18/12/2017 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Mạnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 4/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ *Về án phí*: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Phan Mạnh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả Hỏi tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” và bị đơn cư trú tại xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh H bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn tới thường xuyên nói cãi chửi nhau. Từ khoảng tháng 11 năm 2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L và anh H thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để tránh sự giằng buộc không có lợi cho cả hai bên.

[2.3]. Về con chung: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung được chị L chăm sóc nuôi dưỡng, có cuộc sống sinh hoạt, học tập như

những trẻ em khác trên địa bàn nên hai bên thống nhất để chị L trực tiếp nuôi con chung là đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy anh H có nghề nghiệp là lao động tự do (chủ yếu là làm thuê tại quán bán hàng ăn tại thành phố Hà Nội), thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000đồng nhưng không ổn định lâu dài. Do vậy, cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ/tháng là phù hợp. Việc anh H từ chối cấp dưỡng nuôi con chung là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Phan Mạnh H.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao con chung là Phan Thu H- sinh ngày 18/12/2017 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Mạnh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng, kể từ tháng 4/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Anh Phan Mạnh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0003829 ngày 28/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phan Mạnh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- THADS Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng